

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2020/QĐST-KDTM

B, ngày 24 tháng 4 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH A**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Y Dim và ông Hoàng Văn Hưng.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2020/TLST-KDTM ngày 02 tháng 01 năm 2020 (Số cũ: 07/2019/TLST-KDTM ngày 18 tháng 12 năm 2019),

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần C,

Địa chỉ: Số 442 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3, thành phố D.

Người được ủy quyền: Ông Võ Văn E. Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng TMCP C (Giấy ủy quyền số 41/CV-KTU.20 ngày 27/3/2020)

Địa chỉ: 61 Trần Phú, thành phố D, tỉnh A.

-*Bị đơn:* Anh Phạm Quốc Đ, sinh năm 1990

Trú tại: Tổ dân phố 3B (Tổ dân phố 3), thị trấn B, huyện B, tỉnh A.

Nơi ĐKKHKT: Thôn 6, xã E, huyện B, tỉnh A

+ Chị Vũ Thị Huyền F, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ dân phố 3B (Tổ dân phố 3), thị trấn B, huyện B, tỉnh A.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Phạm Quốc Đ và chị Vũ Thị Huyền F liên đới trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền tổng cộng là **2.233.162.856 đồng** (Hai tỷ, hai trăm ba mươi ba triệu, một trăm sáu mươi hai ngàn, tám trăm năm mươi sáu đồng). Trong đó: Nợ gốc là **1.950.000.000 đồng** (Một tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn là **20.016.986 đồng** (Hai mươi triệu, không trăm mười sáu ngàn, chín trăm tám mươi sáu đồng), nợ lãi quá hạn đến ngày 24/4/2020 là **258.613.150 đồng** (Hai trăm năm mươi tám triệu, sáu trăm mười ba ngàn, một trăm năm mươi đồng), lãi phạt chậm trả là **4.532.720 đồng** (Bốn triệu, năm trăm ba mươi hai ngàn, bảy trăm hai mươi đồng). Ngân hàng được tiếp tục tính lãi dư nợ gốc kể từ ngày 25/4/2020 cho đến khi thu hồi hết nợ, theo mức lãi thỏa thuận tại: Hợp đồng cấp tín dụng số KTU.CN.872.080518 ngày 08/5/2018.

Trường hợp anh Phạm Quốc Đ và chị Vũ Thị Huyền F không trả đúng hoặc trả đủ số tiền còn nợ nêu trên cho Ngân hàng TMCP C thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý đối với tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số KTU.BĐCN.01161017 ngày 16/10/2017; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số KTU.bđcn.01161017/SĐBS-01 ngày 08 tháng 5 năm 2018 mà anh Phạm Quốc Đ và chị Vũ Thị Huyền F đã ký kết với Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh A để thu hồi nợ;

Cụ thể tài sản bảo đảm là:

1/ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Thửa đất số 160, tờ bản đồ 11, diện tích 320,00 m², địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố 3B (Tổ dân phố 3), thị trấn B, huyện B, tỉnh A, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 389349, số vào sổ CH 04931 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh A cấp ngày 11/01/2017.

- **Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:** Căn cứ Điều 157; Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Phạm Quốc Đ và chị Vũ Thị Huyền F liên đới trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng TMCP C đã nộp là 2.200.000 đồng (Hai triệu hai trăm ngàn đồng).

-**Về án phí dân sự sơ thẩm:** Căn cứ Điều 144; Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và Điều 6; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm là **76.663.257 đồng** (Bảy mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi ba ngàn, hai trăm năm mươi bảy đồng). Anh Phạm Quốc Đ và chị Vũ Thị Huyền F liên đới nhận chịu trả toàn bộ tiền án phí là **76.663.257 đồng** (Bảy mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi ba ngàn, hai trăm năm mươi bảy đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần C 37.095.576 đồng (Ba mươi bảy triệu, không trăm chín mươi lăm ngàn, năm trăm bảy mươi sáu đồng) tiền tạm

ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000687 ngày 18/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh A.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại J;
- TAND tỉnh A;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**